TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30/12/2021
V/v *"Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Thế Xương;
2. Ông Nguyễn Văn Mạnh;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Mạnh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2021/TLST - HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh B - sinh năm 1976
Địa chỉ: Bản L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. (Có mặt).
Bị đơn: Anh Hà Trường S - Sinh năm 1976
Địa chỉ: Bản S, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh B trình bày: Chị và anh Hà Trường S kết hôn với nhau ngày 08/12/2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện B trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng không quan tâm, nói chuyện với nhau, không tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi chửi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện anh chị vẫn sống cùng một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Trường Sơn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung: cháu Hà Trọng H sinh năm 2002 và cháu Hà Trọng H sinh ngày 23/02/2004. Cháu

H đã trưởng thành nên chị Bình không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị B có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hà Trọng H đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hà Trường S có ý kiến như sau: Về thời gian, địa điểm, điều kiên kết hôn như chị B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị B không chung thủy với anh có mối quan hệ với người đàn ông khác gây tai tiếng. Mặc dù không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ngoại tình của chị B nhưng việc chị B có quan hệ với người đàn ông khác là sự thật, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Đến nay, chị Nguyễn Thị Thanh B có đơn đề nghị giải quyết xin ly hôn anh S không có nhất trí ly hôn vì anh không có lỗi gì và có nguyện vọng đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung, về tên tuổi như chị B trình bày là đúng. Hiện nay cháu H đã trưởng thành nên anh không có ý kiến gì. Trường hợp chị B kiên quyết ly hôn, anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hà Trọng H đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh S không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh B xác định cháu Hà Trọng H đã lớn và sắp đến tuổi trưởng thành, chị B không muốn làm tổn thương đến cháu nên chị thay đổi ý kiến nhất trí để anh Hà Trường S là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hà Trọng H đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/12/2021 và ngày 30/12/2021 không có lý do). Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh B

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh B được ly hôn với anh Hà Trường S.

Về con chung: Giao cháu Hà Trọng H sinh ngày 23/02/2004 cho anh Hà Trường S trực tiếp trông nom nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuyên quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung cho các đương sự. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Hà Trường S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Trường S.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Hà Trường S kết hôn với nhau ngày 08/12/2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân giữa anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng không tin tưởng, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh B là phù hợp.

[3]Về con chung: Xét thấy quá trình chung sống chị B và anh S có hai con chung, cháu H đã đến tuổi trưởng thành nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị B nhất trí để anh S trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hà Trọng H sinh ngày 23/02/2004. Bị đơn Hà Trường S có mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng. Cháu H không trình bày cụ thể nguyện vọng cháu muốn ở với ai. Do vậy việc giao cháu Hà Trọng H cho anh Hà Trường S trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4]Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh B phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Hà Trường S.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Trọng H sinh ngày 23/02/2004 cho anh Hà Trường S trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị Thanh B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh B phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003391 ngày 03/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, chị Bình đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã X;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã Nghĩa Đô
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh